

Bản án số: 113/2025/HS-PT

Ngày: 24 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhật Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 121/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Duy P và Lê Tuấn P1. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P và kháng cáo của bị hại là ông Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo/bị kháng cáo:

1. Nguyễn Duy P (Tên gọi khác: Hữu N), sinh ngày 18 tháng 04 năm 1999, tại tỉnh Tiền Giang; nơi thường trú: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang; CCCD số: 082099005719; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Phạm Thị C1; vợ: Nguyễn Thị Kim C2; con: có 01 người con sinh năm 2023; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh kể từ ngày 25/06/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Tuấn P1 (Tên gọi khác: T1), sinh ngày 05 tháng 07 năm 1979, tại tỉnh Tiền Giang; nơi thường trú: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; CCCD số: 082079015611; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Anh T2

và bà: Phạm Thị N1; vợ: Nguyễn Thị T3; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo Lê Tuấn P1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 28/06/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo P*: Luật sư Nguyễn Thanh T4, Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư Luật sư tỉnh T (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- *Bị hại*:

1. Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1988 (chết);

Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp:

1.1. Nguyễn Văn T6, sinh năm 1956 (vắng mặt);

1.2. Lê Thị D, sinh năm 1958 (vắng mặt);

1.3. Nguyễn Ngọc Thanh T7, sinh năm 2013;

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Nguyễn Ngọc Thanh T7: Nguyễn Văn T6, sinh năm 1956 (vắng mặt) và bà Lê Thị D, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Văn T6 và Lê Thị D: Nguyễn Thanh T8, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Hữu C, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, ông C: Luật sư Trần Chí H, Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Tuấn P1, Nguyễn Duy P, cùng Nguyễn Văn T, sinh năm 1969, cư trú: ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (cha ruột của P) là những người làm nghề chạy xe chở đất và mua, bán đất mặt ruộng. Trong quá trình chở đất và mua, bán đất mặt ruộng, P1 với T và P xảy ra mâu thuẫn.

Khoảng 21 giờ ngày 28/3/2024, Lê Tuấn P1 gọi điện thoại cho P cự cãi, thách thức nhau. P hẹn P1 đến nhà để giải quyết mâu thuẫn nên P1 gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1988, cư trú: ấp Ô, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (em vợ P1) kể lại việc P có lời chửi, đe dọa thách thức đánh nhau. P1 kêu T5 cùng đi đến nhà ông Nguyễn Văn T tìm P đánh, giải quyết mâu thuẫn, T5 đồng ý. P1 hẹn T5 tại cầu X, xã K, huyện G. P1 gọi điện thoại cho Nguyễn Hồng T9, sinh năm 2000, cư trú: ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

(tài xế chạy thuê cho P1). T9 chạy xe mô tô 63B7- 593.24 đến nhà chờ P1 đến cầu X gặp T5 cùng Trần Hoàng N2, sinh năm 1992, cư trú: ấp Ông G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và Dương Trung B, sinh năm 2001, cư trú: ấp H, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T5 điều khiển xe máy Air Blade biển số 63B9- 293.91 chạy trước, T9 chở P1, B chở N2 đi theo sau. Khi đến trước nhà ông T, do cửa cổng rào bị khóa, thấy Nguyễn Hữu C (Hữu lớn), sinh năm 1996, nơi thường trú ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (con ruột ông T) đang đứng ăn bún trong hành lang nhà C (cặp sát nhà ông T). T5 kêu mở cửa nhưng C không mở. T5 mở cốp xe máy Air Blade biển số 63B9- 293.91 lấy 01 (một) con dao dài 45cm, cán bằng gỗ tròn dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén leo qua hàng rào vào nhà ông T. T5 đi đến dùng tay nắm cổ C nói: “*mày con ông T phải không*”, C nói “ờ”, T5 liền dùng dao chém C một cái trúng tay phải làm rớt tô bún xuống sân và đứt lìa ngón tay cái. C dùng tay trái chống, đẩy T5 ra, bỏ chạy, T5 liền tiếp chém nhiều cái trúng tay trái và vai trái của C. Lúc này, C nhặt lấy một con đội màu đỏ hình trụ tròn dài 30cm, chân đế hình chữ nhật kích thước (12 x 11,5) cm có sẵn trên sân chống trả và đánh trúng khuỷu tay phải của T5 làm con đội rớt xuống. Tiếp đó, C cầm lấy một cây cờ lê (cây khóa) bằng kim loại màu trắng kích thước (29 x 1,9 x 0,3) cm có sẵn trên sân chống trả và đánh trúng người T5 làm cây cờ lê rớt xuống. Lúc này, T5 ngồi đề lên người C dùng dao chém nhiều nhát. C kêu la lớn tiếng thì ông T đang nằm võng hành lang bên hông nhà nghe chạy đến xông vào ôm vật kéo T5 ra. P cũng từ phòng ngủ chạy ra thì bị T5 dùng dao chém trúng tay. Lúc này, tinh thần bị kích động nên P lấy 01 (một) con dao, loại dao dùng chặt dừa, dài 40,2cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,2cm trên cái bàn sắt, xông đến chém T5 thì bị T5 dùng dao chém làm rớt con dao xuống. P giằng co giật lấy con dao của T5 dùng dao chém nhiều cái vào người T5. Trong lúc P, T và C đang giằng co với T5 thì P1 mở cốp xe của T5 lấy 01 (một) con dao dài 58cm, cán dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 41cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén, cầm leo qua hàng rào xông đến chém về hướng T, C và P. Khi thấy P1 cầm dao chém, T đưa tay lên đỡ, dùng chân đá P1 té ngã ra, tiếp đó T cầm lấy một cây cờ lê bằng kim loại màu xám kích thước (45 x 2,6 x 0,4) cm có sẵn trên sân đánh P1 dòn vào góc tường hàng rào nhà C. Tại đây T cầm một cây cờ lê, P1 cầm dao tiếp tục giằng co, đánh nhau. Khi thấy T5 bị thương nằm trên sân, P dừng lại cầm con dao dài 40,2cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,2cm đi đến nơi T và P1 đang giằng co, P dùng dao chém P1 một cái trúng vùng gối chân trái, T giật lấy con dao của P1 đưa cho P, sau đó P kéo T ra và cầm lấy hai con dao của T5 và P1 sử dụng để chung vào một thùng giấy, P lấy con dao dài 40,2cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,2cm đưa cho chị Phan Thị Anh T10, sinh năm 2001, nơi thường trú ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (vợ C) đem ra để ở khu vực sân nước sau nhà của T10. Sau khi sự việc xảy ra,

Nguyễn Thanh T5 được đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực thành phố G cấp cứu thì tử vong. Lê Tuấn P1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Duy P đều bị thương được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực thành phố G, sau đó đưa đến Bệnh viện C4, thành phố Hồ Chí Minh cấp cứu, điều trị.

* Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 9 giờ 00 phút, ngày 29/3/2024, ghi nhận: vụ việc xảy ra ngày 28/3/2024 tại nhà bà Phạm Thị C1 (vợ ông T) thuộc ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang, được xác định như sau:

Hướng Bắc tiếp giáp nhà dân.

Hướng Nam tiếp giáp vườn cây, tiếp đến là đường đan chạy hướng Đông-Tây rộng trung bình 1,5m.

Hướng Đông tiếp giáp đường đan chạy hướng Bắc- N, rộng trung bình 1,5m, kế đến là kênh nước chạy hướng Bắc- N, rộng trung bình 2m.

Hướng Tây tiếp giáp vườn cây và khu nuôi gà (8x16) m².

Nhà bà Phạm Thị C1 xây dựng trên diện tích (8x16) m², loại nhà cấp 4, nền lát gạch men, tường bê tông, mái tôn, có la thông. Cửa chính quay về hướng Đông, phần sân cán bê tông rộng (4x21) m². Phía Bắc ngôi nhà bà Phạm Thị C1 có xây dựng một ngôi nhà thứ hai diện tích (4x13) m², nền lát gạch men, vách tôn, mái tôn. Ngôi nhà thứ hai cách nhà thứ hai 2,2m tạo thành lối đi giữa hai nhà theo hướng Đ- Tây. Xung quanh hai ngôi nhà được xây tường rào bê tông, có gắn lưới B40, cao 1,96m (phần tường rào bê tông cao 0,56m, phần lưới B40 cao 1,4m. Cổng rào bằng kim loại kích thước (2,5x2,4) m quay về hướng Đông.

Trung tâm hiện trường tại sân bê tông trước nhà bà Phạm Thị C1 phát hiện vùng vết màu đỏ nghi máu dạng vũng, quệt, nhỏ giọt không liên tục, còn mới, đã khô diện rộng (5,6x2,5) m. Trên nền vết màu đỏ nghi máu, nằm sát tường rào hướng Đông có nhiều vỏ lon bia hiệu Larue và một nón vải viền tròn màu xanh nằm cách tường rào hướng Đông 2,12m, cách trụ rào Bắc là 3m. Nón vải viền tròn đường kính 26cm, sâu 13cm.

Nằm trên vùng vết màu đỏ nghi máu này, cách tường rào hướng Đông 1,43m cách tường rào hướng Bắc 3,15m phát hiện 01 đồng hồ bằng kim loại màu vàng hiệu “Rado” dính vết màu đỏ nghi máu (ký hiệu số 1).

Liên tục vết màu đỏ nghi máu (số A) về hướng Tây phát hiện một thùng giấy màu xanh trắng kích thước (43x22x16) cm nằm trên nền sân bê tông, bên trong thùng giấy đựng 2 con dao cán gỗ. Con dao thứ nhất: dài 45cm, cán bằng gỗ tròn dài 16cm, tròn 3,4 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen trắng dài 29cm, nơi rộng nhất 6,1 cm mũi nhọn, một lưỡi cắt sắc bén, trên con dao có vết màu đỏ nghi máu. Con dao thứ hai: dài 58cm, phần cán bằng gỗ màu nâu dài 17cm, hình bầu dục (4x2,6) cm, phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 41cm, bản rộng nhất 7,2 cm mũi nhọn, một lưỡi cắt sắc bén, trên con dao có vết màu đỏ nghi máu (ký hiệu số 2).

Từ vị trí 2 con dao (ký hiệu số 2) đi về hướng T 3,5m, cách vách tôn hướng Đông 2m, cách cột nhà hướng Đông Nam 0,8 m phát hiện vùng vết màu đỏ nghi máu dạng quệt, nhỏ giọt không liên tục diện rộng (1,2x1,3) m nằm trên nền gạch. Từ vết màu đỏ nghi máu về hướng Nam 0,8 m là đôi dép quai ngang bằng nhựa màu đen kích thước (27,5x11x7,9) cm nằm trên nền bê tông. Từ vết màu đỏ nghi máu về hướng Đông Bắc 1,3 m là đôi dép quai ngang bằng nhựa màu đen kích thước (27x10,8x7,9) cm, trên mặt dép có chữ “B” (ký hiệu số 3).

Từ vết màu đỏ nghi máu (ký hiệu số 3) về hướng Đông Bắc 3,9 m, cách tường rào Bắc 1,7 m, cách tường Đông 1,15m phát hiện vùng vết màu đỏ nghi máu dạng nhỏ giọt không liên tục diện rộng (2,6x2,9) m, vết lớn nhất 2,5 cm, vết lớn nhất 0,3 cm. Liên tục vết màu đỏ nghi máu này về hướng Bắc là chậu cây bằng bê tông hình trụ tròn dài 37 cm, đường kính mặt chậu 93 cm, bên trong chậu chứa đầy đất. Nằm trên bề mặt đất của chậu bê tông phát hiện một con đội bằng kim loại màu đỏ hình trụ tròn dài 30 cm, chân đế hình chữ nhật (12x11,5) cm, dính vết màu đỏ nghi máu; 01 nón bảo hiểm màu xanh nhãn hiệu “Huỳnh Thành” kích thước (23,5x21x12) cm dính vết màu đỏ nghi máu; 01 nón lưỡi trai màu đen có chữ “LS” kích thước (23,5x21x12) cm dính vết màu đỏ nghi máu; 01 con dao cán vàng (dao Thái Lan) dài 21 cm, phần lưỡi dài 11 cm.

Liên tục chậu bê tông về hướng Bắc, cách tường rào Đông 1,1m phát hiện chậu cây bằng bê tông màu đỏ kích thước (37x93) cm nằm trên nền sân bê tông, bên trong chậu chứa đầy đất, trên bề mặt đất của chậu bê tông phát hiện một Cờ- lê bằng kim loại màu trắng kích thước (45x26x0,4) cm, dính vết màu đỏ nghi máu; cũng tại chậu cây bằng bê tông này phát hiện vùng vết màu đỏ nghi máu dạng vũng, quệt dính vào mặt lưng chậu liên tục đến nền sân bê tông và vách tường rào hướng Bắc diện rộng (0,93x0,36) m, trên nền vết màu đỏ nghi máu có 01 cây Cờ- lê bằng kim loại màu xám kích thước (29x1,9x0,3) cm, dính vết màu đỏ nghi máu và một khẩu trang y tế màu trắng kích thước (19x8) cm dính vết màu đỏ nghi máu (ký hiệu số 4).

Tại vị trí trên mặt đường đan phía ngoài tường rào lưới B40, cách tường rào hướng Đông 0,14 m, cách trụ cổng rào phía Bắc 3,6 m, phát hiện đôi dép quai chéo bằng nhựa kích thước (28,5x11x8) cm (ký hiệu số 5).

Phần tường rào lưới B40 trụ cổng rào phía Bắc, có phần lưới B40 phía trên bị cong vênh, biến dạng. Từ cổng rào đi vào nhà 1,26 m có 01 chiếc xe máy màu đỏ đen biển số 63B9- 293.91 dựng trên nền sân bê tông, đầu xe quay về hướng Đ, đuôi xe quay về hướng T, kiểm tra xe không phát hiện gì.

* **Tại Bản kết luận** giám định tử thi số 105-2024/KLGĐTT-TTPY, ngày 29/3/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận nguyên nhân tử vong của Nguyễn Thanh T5:

1. Các kết quả chính:

- *Kết quả khám nghiệm.*

+ Vết thương từ gò má phải đến sau tai phải, đứt vành tai phải, vỡ xương hàm gò má phải.

+ Mở da rộng vết thương gò má phải thấy đứt động mạch hàm trên bên phải.

+ Vết thương 1/3 dưới sau cẳng chân phải đứt gân Achilles, cơ.

+ Mở rộng vết thương 1/3 dưới sau cẳng chân phải thấy đứt động mạch chày sau chân phải.

+ 08 vết thương trán đỉnh cằm trái.

• Vết thương thứ 01 trán phải sát chân tóc.

• Vết thương thứ 02 giữa trán đỉnh.

• Vết thương thứ 03 vùng đỉnh.

• Vết thương thứ 04 từ trán phải đến đỉnh.

• Vết thương thứ 05 từ đỉnh trái đến cằm trái.

• Vết thương thứ 06 từ đỉnh đến cằm phải.

• Vết thương thứ 07 vùng giữa cằm.

• Vết thương thứ 08 vùng gáy.

+ Vết thương trán trái.

+ Vết thương thái dương phải.

+ Vết thương gò má phải.

+ Vết thương rách da đầu trong đuôi mắt trái.

+ Vết thương xước da ngực trái khoảng liên sườn 2, 3.

+ Hai vết thương xước da vùng vai phải.

+ Vết thương xước da vùng vai trái.

+ Vết thương xước da dưới bả vai trái.

+ Vết thương xước da 1/3 giữa ngoài cẳng tay phải.

+ Vết thương từ cổ tay đến mặt lưng ngón I bàn tay trái lộ gân cơ và xương cổ tay trái.

+ Vết thương mặt lòng bàn tay trái, lộ gân cơ, gãy đầu dưới xương trụ.

+ Vết thương mặt lòng đốt gần ngón II, IV, V bàn tay trái.

+ Vết thương xước da sau trong cẳng tay trái.

+ 02 vết thương xước da mặt trong gối phải.

+ Vết thương 1/3 dưới sau cẳng chân trái đứt gân cơ, mẻ xương mác trái.

- *Kết quả xét nghiệm.*

+ Kết quả xét nghiệm nồng độ Alcool trong máu tử thi Nguyễn Thanh T5: 22.2mmol/L (102.298mg/dL).

2. **Kết luận:** Nguyên nhân tử vong tử thi Nguyễn Thanh T5: Mất máu cấp do vết thương đứt động mạch hàm trên bên phải, động mạch chày sau chân phải. Đa vết thương do bị chém.

* **Tại Bản kết luận** giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 121-2024/KLTTCT-TTPY, ngày 09/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận

tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Hữu C:

1. Các kết quả chính:

- *Kết quả khám giám định.*

+ Nứt sọ trán trái.

+ Mổm cụt đốt 1 ngón I bàn tay phải.

+ Sẹo vết thương trán trái.

+ Sẹo vết thương đỉnh trái.

+ Sẹo vết thương trán đỉnh phải.

+ Sẹo vết thương trên vai phải.

+ Sẹo vết mổ trùng sẹo vết thương đốt I ngón I bàn tay phải.

+ Hai sẹo vết thương vùng trên vai bên trái.

+ Sẹo vết thương 1/3 giữa sau cẳng tay trái.

+ Sẹo vết thương mặt trước cổ tay trái.

+ Sẹo vết thương từ mặt lòng ngón II đến mặt lòng ngón V tay trái.

+ Sẹo vết thương mặt trong liên đốt 1, 2 ngón I tay trái.

+ Sẹo vết thương ngực trái, khoảng liên sườn 9-10 bên trái.

+ Sẹo vết thương từ mặt lưng đốt bàn ngón V đến mặt lòng ngón V bàn chân.

+ Sẹo vết thương giữa cằm.

+ Sẹo vết thương gò má phải.

+ Cứng khớp các liên đốt ngón III tay trái

+ Cứng một khớp đốt ngón II tay trái

+ Cứng khớp đốt bàn ngón II tay phải.

- *Kết quả cận lâm sàng.*

+ X Quang sọ: Hiện tại X Quang sọ chưa ghi nhận bất thường.

+ X Q bàn tay phải: Mổm cụt đốt gần ngón I bàn tay phải.

+ X Q cẳng chân trái: Gãy 1/3 dưới xương chày trái.

2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Hữu C là: 51% (Năm mươi một phần trăm) theo phương pháp cộng tại Thông tư.

*** Kết luận khác:**

- *Xác định vật gây thương tích:* Thương tích Nguyễn Hữu C do vật sắc nhọn gây nên.

- Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương:

+ Nứt sọ trán trái. Tỷ lệ: 09% (Chín phần trăm).

+ Mổm cụt đốt 1 ngón I bàn tay phải. Tỷ lệ: 13% (Mười ba phần trăm).

+ Sẹo vết thương trán trái. Tỷ lệ: 03% (Ba phần trăm).

+ Sẹo vết thương đỉnh trái. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).

- + Sẹo vết thương trán đỉnh phải. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm).
 - + Sẹo vết thương trên vai phải. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm).
 - + Sẹo vết mổ trùng sẹo vết thương đốt I ngón I bàn tay phải. Tỷ lệ: 03% (Ba phần trăm).
 - + Hai sẹo vết thương vùng trên vai bên trái. Tỷ lệ mỗi vết: 02% (Hai phần trăm).
 - + Sẹo vết thương 1/3 giữa sau cẳng tay trái. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).
 - + Sẹo vết thương mặt trước cổ tay trái. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm).
 - + Sẹo vết thương từ mặt lòng ngón II đến mặt lòng ngón V tay trái. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).
 - + Sẹo vết thương mặt trong liên đốt 1, 2 ngón I tay trái. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm).
 - + Sẹo vết thương ngực trái, khoảng liên sườn 9-10 bên trái. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).
 - + Sẹo vết thương từ mặt lưng đốt bàn ngón V đến mặt lòng ngón V bàn chân trái. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).
 - + Sẹo vết thương giữa cằm. Tỷ lệ: 03% (Ba phần trăm).
 - + Sẹo vết thương gò má phải. Tỷ lệ: 03% (Ba phần trăm).
 - + Cứng khớp các liên đốt ngón III tay trái. Tỷ lệ: 07% (Bảy phần trăm).
 - + Cứng một khớp đốt ngón II tay trái. Tỷ lệ: 03% (Ba phần trăm).
 - + Cứng khớp đốt bàn ngón II tay phải. Tỷ lệ: 07% (Bảy phần trăm).
- * Tại Bản kết luận** giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 120-2024/KLTTCT-TTPY, ngày 09/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Văn T:

1. Các kết quả chính:

- *Kết quả khám giám định.*
- + Gãy xương bàn ngón V tay phải.
- + Sẹo vết thương giữa trán.
- + Sẹo vết thương trán trái.
- + Sẹo vết thương vai trái.
- + Sẹo vết thương 1/3 dưới sau cẳng tay trái.
- + Sẹo vết thương 1/3 giữa sau trong cánh tay phải.
- + Sẹo vết thương khuỷu tay phải.
- + Sẹo vết mổ trùng sẹo vết thương hình cung từ khuỷu tay phải đến nếp khuỷu tay phải.
- + Sẹo vết thương từ cổ tay phải đến ô mô út tay phải.
- + Sẹo vết thương mặt ngoài gò trái.
- + Sẹo vết thương gò má phải
- *Kết quả cận lâm sàng.*
- + Kết quả X Quang sọ: Hiện tại X Quang sọ chưa ghi nhận bất thường.

+ X Q bàn tay phải: Gãy xương bàn V đang kết hợp xương bằng xuyên.

2. **Kết luận:** Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn T là: 35% (Ba mươi lăm phần trăm) theo phương pháp cộng tại Thông tư.

* **Kết luận khác:**

- *Xác định vật gây thương tích:* Thương tích Nguyễn Văn T do vật sắc gây nên.

- *Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương:*

+ Gãy xương bàn ngón V tay phải. Tỷ lệ: 08% (Tám phần trăm).

+ Sẹo vết thương giữa trán. Tỷ lệ: 03% (Ba phần trăm).

+ Sẹo vết thương trán trái. Tỷ lệ: 03% (Ba phần trăm).

+ Sẹo vết thương vai trái. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).

+ Sẹo vết thương 1/3 dưới sau cẳng tay trái. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm).

+ Sẹo vết thương 1/3 giữa sau trong cánh tay phải. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).

+ Sẹo vết thương khuỷu tay phải. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm).

+ Sẹo vết mổ trùng sẹo vết thương hình cung từ khuỷu tay phải đến nếp khuỷu tay phải. Tỷ lệ: 03% (Ba phần trăm).

+ Sẹo vết thương từ bàn tay phải đến ô mô út tay phải. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).

+ Sẹo vết thương mặt ngoài gối trái. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).

+ Sẹo vết thương gò má phải. Tỷ lệ: 06% (Sáu phần trăm).

Theo Văn bản số 194/CV-TTPY ngày 27/9/2024 của của Trung tâm P về việc điều chỉnh bản kết luận giám định tổn thương cơ thể sửa đổi, bổ sung Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể số 120-2024/KLGĐTTCT-TTPY ngày 09/4/2024 như sau:

IV. Kết luận, mục 1, T11 6. Sửa đổi, bổ sung: Nứt sọ trái.

IV. Kết luận, mục 2, T11 7. Sửa đổi, bổ sung: Nứt sọ trái. Tỷ lệ: 09% (Chín phần trăm).

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn T không thay đổi là: 35% (Ba mươi lăm phần trăm).

* **Tại Bản kết luận** giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 122-2024/KLTTCT-TTPY, ngày 09/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Duy P:

1. **Các kết quả chính:**

- *Kết quả khám giám định.*

+ Sẹo vết thương khuỷu tay phải.

- + Sẹo vết thương 1/3 trên trước ngoài cổ tay trái.
- + Sẹo vết thương mặt sau cổ tay trái.
- + Sẹo vết thương gôi trái.
- + Sẹo vết thương ngực phải.

2. **Kết luận:** Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Duy P là: 07% (Bảy phần trăm) theo phương pháp cộng tại Thông tư.

* **Kết luận khác:**

- **Xác định vật gây thương tích:** Thương tích Nguyễn Duy P do vật sắc gây nên.

- **Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương:**

- + Sẹo vết thương khuỷu tay phải. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).
- + Sẹo vết thương 1/3 trên trước ngoài cổ tay trái. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm).
- + Sẹo vết thương mặt sau cổ tay trái. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm).
- + Sẹo vết thương gôi trái. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm).
- + Sẹo vết thương ngực phải. Tỷ lệ: 02% (Hai phần trăm).

* **Tại Bản kết luận** giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 123/KLTTCT-TTPY, ngày 10/4/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Tuấn P1:

1. **Các kết quả chính:**

- **Kết quả khám giám định:**

- + Sẹo vết thương góc trong mi mắt phải.
- + Sẹo vết thương lòng bàn tay trái.
- + Sẹo vết mổ trùng vết thương mặt trước gôi trái.
- + Vết mổ dẫn lưu 1/3 dưới ngoài đùi trái, đang đóng vảy.
- + Gãy xương cánh mũi phải.
- + Đứt gân tứ đầu đùi trái đã phẫu thuật đang điều trị chưa ổn định, chưa đủ cơ sở xếp tỷ lệ phần trăm.

2. **Kết luận:** Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Tuấn P1 là: 14% (Mười bốn phần trăm) theo phương pháp cộng tại Thông tư.

- **Kết luận khác:**

+ **Xác định vật gây thương tích:**

- + Sẹo vết thương góc trong mi mắt phải. Gãy xương cánh mũi phải. Thương tích do vật tày gây ra.

+ Sẹo vết thương lòng bàn tay trái. Sẹo vết mổ trùng vết thương mặt trước gối trái. Thương tích do vật sắc gây ra.

+ Vết mổ dẫn lưu 1/3 dưới ngoài đùi trái. Thương tích do phẫu thuật gây ra.

** Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương:*

- Sẹo vết thương góc trong mi mắt phải. Tỷ lệ 03% (Ba phần trăm).

- Sẹo vết thương lòng bàn tay trái. Tỷ lệ 01% (Một phần trăm).

- Sẹo vết mổ trùng vết thương mặt trước gối trái. Tỷ lệ 03% (Ba phần trăm).

- Vết mổ dẫn lưu 1/3 dưới ngoài đùi trái, đang đóng vẩy. Tỷ lệ 01% (Một phần trăm).

- Gãy xương cánh mũi phải. Tỷ lệ 07% (Bảy phần trăm).

- Đứt gân tứ đầu đùi trái đã phẫu thuật đang điều trị chưa ổn định, chưa đủ cơ sở xếp tỷ lệ phần trăm.

*** Tại Bản kết luận** giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 225/2024/KLTTCT-TTPY, ngày 09/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Lê Tuấn P1 (bổ sung):

1. Các kết quả chính:

- *Kết quả khám giám định:*

+ Sẹo vết thương góc trong mi mắt phải.

+ Sẹo vết thương lòng bàn tay trái.

+ Sẹo vết mổ trùng vết thương mặt trước gối trái. Đứt gân tứ đầu đùi đã phẫu thuật khâu nối phục hồi tốt.

+ Vết mổ dẫn lưu 1/3 dưới ngoài đùi trái.

+ Gãy xương cánh mũi phải.

2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Tuấn P1 là: 14% (Mười bốn phần trăm) theo phương pháp cộng tại Thông tư.

- **Kết luận khác:**

+ *Xác định vật gây thương tích:*

+ Sẹo vết thương góc trong mi mắt phải. Sẹo vết thương lòng bàn tay trái. Sẹo vết mổ trùng vết thương mặt trước gối trái. Đứt gân tứ đầu đùi đã phẫu thuật khâu nối phục hồi tốt. Gãy xương cánh mũi phải. Thương tích do vật sắc gây ra.

+ Vết mổ dẫn lưu 1/3 dưới ngoài đùi trái. Thương tích do phẫu thuật gây nên.

** Phân tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương:*

- Sẹo vết thương góc trong mi mắt phải. Tỷ lệ 03% (Ba phần trăm).

- Sẹo vết thương lòng bàn tay trái. Tỷ lệ 01% (Một phần trăm).

- Sẹo vết mổ trùng vết thương mặt trước gò trái. Đứt gân tứ đầu đùi đạ phẫu thuật khâu nối phục hồi tốt. Tỷ lệ 03% (Ba phần trăm).
- Sẹo mổ dẫn lưu 1/3 dưới ngoài đùi trái. Tỷ lệ 01% (Một phần trăm).
- Gãy xương cánh mũi phải. Tỷ lệ 07% (Bảy phần trăm).

* **Tại Bản kết luận** số 467/KL-KTHS, ngày 21/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh T về giám định điện thoại di động của Nguyễn Duy P, kết luận như sau: Số thuê bao sim điện thoại trong máy “0397986923”; tên tài khoản zalo “Duy P”; tài khoản facebook M “Duy Phương”; tài khoản facebook M đã sử dụng “Kim chi”; 324 danh bạ điện thoại. Từ ngày 01/3/2024 đến 31/3/2024 có 88 nhật ký cuộc gọi, 29 tin nhắn SMS, 248 tin nhắn Zalo, 8187 tin nhắn facebook, 293 tập tin ảnh, 28 tập tin video.

* **Tại Bản kết luận** số 2259/KL-KTHS, ngày 23/5/2024 của Phân Viện KTHS tại TP . về giám định ADN các mẫu vật thu giữ, kết luận như sau:

- Trên các mẫu vật gửi giám định: Con dao dài 45cm, cán bằng gỗ tròn dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén; con dao dài 58cm, cán dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 41cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén; con dao dài 40,2cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,2cm; 01 (một) cây cò lê dài 45cm; 01 (một) cây cò lê dài 29cm; các vết màu nâu đỏ thu tại hiện trường đều là máu người.

- Phân tích ADN từ các mẫu máu trên được kết quả:

- + Trên con dao dài 45cm, cán bằng gỗ tròn dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén phân tích được kiểu gen không đủ điều kiện truy nguyên.

- + Trên con dao dài 58cm, cán dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 41cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén có ADN của Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy P.

- + Trên con dao dài 40,2cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,2cm có ADN của Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu C.

- + Trên cây cò lê dài 45cm có ADN của Nguyễn Văn T, Lê Tuấn P1.

- + Trên cây cò lê dài 29cm có ADN của Nguyễn Văn T.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Duy P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Bị cáo Lê Tuấn P1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

* Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T thu giữ:

- Qua khám nghiệm hiện trường thu giữ:

- + 01 (một) con dao dài 45cm, cán bằng gỗ tròn dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén.

- + 01 (một) con dao dài 58cm, cán dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 41cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén.

- + 01 (một) con dao thái lan cán vàng dài 21,5cm, phần lưỡi dài 11cm.

- + 01 (một) con đội màu đỏ hình trụ tròn dài 30cm, chân đế hình chữ nhật (12x11,5) cm.
- + 01 (một) cây cờ lê bằng kim loại màu xám kích thước (45 x 2,6 x 0,4) cm.
- + 01 (một) cây cờ lê bằng kim loại màu trắng kích thước (29 x 1,9 x 0,3) cm.
- + 01 (một) xe máy màu đỏ đen biển số 63B9- 293.91.
- + 01 (một) đồng hồ bằng kim loại màu vàng hiệu Rado.
- + 01 (một) nón vải viền tròn màu xanh đường kính 26cm, sâu 13cm.
- + 01 (một) nón lưỡi trai màu đen có chữ “LS” kích thước (16,5 x 8 x 11) cm.
- + 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh nhãn hiệu “Huỳnh Thành”, kích thước (23,5 x 21 x 12) cm.
- + 01 (một) đôi dép quai ngang bằng nhựa màu đen kích thước (27,5 x 11 x 7,9) cm.
- + 01 (một) đôi dép quai ngang bằng nhựa màu đen kích thước (27,5 x 10,8 x 7,9) cm trên mặt quai dép có chữ “B”.
- + 01 (một) đôi dép quai chéo bằng nhựa màu nâu kích thước (28,5,5 x 11 x 8) cm trên mặt quai dép có chữ “B”.
- + 01 (một) khẩu trang y tế màu trắng kích thước (19 x 8)cm và các mẫu màu đỏ nghi máu.
- Cơ quan CSĐT Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang tạm giữ của Nguyễn Duy P: 01 (một) điện thoại di động iphone màu trắng.
- Cơ quan CSĐT Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang tạm giữ của Nguyễn Hồng T9: 01 (một) điện thoại di động iphone màu xanh.
- Cơ quan CSĐT Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang tạm giữ của anh Huỳnh Văn T12: 01 (một) thẻ nhớ 32GB có ghi dòng chữ SanDisk.
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T trích xuất, tạm giữ: 01 (một) đĩa DVD chứa đoạn video có thời lượng 01 phút 07 giây ghi nhận diễn biến vụ việc xảy ra ngày 28/03/2024 tại ấp X, K, Gò Công Đông, Tiền Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T tạm giữ của Lê Tuấn P1: 01 (một) điện thoại di động cảm ứng, màu đen, phía sau có dòng chữ OPPO.
- * Xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 789/QĐ-VPCQCSĐT, ngày 25/7/2024 trả lại cho: anh Nguyễn Hồng T9, sinh năm 2000, nơi thường trú ấp L, xã T, huyện G, Tiền Giang: 01 (một) điện thoại di động iphone 11 màu xanh, số IMEI 1: 356572101731600, IMEI 2: 356572101545901, đã qua sử dụng.
- * Về trách nhiệm dân sự: Tại Biên bản ghi nhận tự thỏa thuận bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự lập lúc 10 giờ ngày 01/7/2024 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, ghi nhận như sau:

- Về bồi thường thiệt hại trong vụ án “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”:

Đại diện theo ủy quyền bên bị hại Nguyễn Thanh T5 là chị Nguyễn Thanh T8, sinh năm 1981, nơi thường trú: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang yêu cầu Nguyễn Duy P bồi thường thiệt hại gồm: Chi phí khám, điều trị bệnh số tiền là 1.500.000đ; chi phí mai táng số tiền là 80.000.000đ; chi phí ảnh hưởng tinh thần số tiền là 20.000.000đ; tiền cấp dưỡng cho ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1956 (Cha ruột của T5) và bà Lê Thị D, sinh năm 1958 (Mẹ ruột của T5) với số tiền 3.000.000đ/tháng/người đến khi chết; tiền cấp dưỡng cho Nguyễn Ngọc Thanh T7, sinh ngày 12/11/2013 (Con ruột của T5) với số tiền 5.000.000đ/tháng đến khi đủ 18 tuổi.

Bị cáo Nguyễn Duy P, ông Nguyễn Văn T (cha ruột P), Nguyễn Hữu C, (anh ruột P) đồng ý bồi thường chi phí khám, điều trị bệnh cho bị hại Nguyễn Thanh T5 với số tiền là 1.500.000đ, không đồng ý bồi thường thiệt hại các yêu cầu còn lại của chị T8. Hiện tại bị cáo Nguyễn Duy P chưa thực hiện việc bồi thường số tiền là 1.500.000đ nêu trên.

- Về bồi thường thiệt hại trong vụ án “Cố ý gây thương tích”:

Bị hại Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn T và Nguyễn Duy P yêu cầu bị cáo Lê Tuấn P1 bồi thường chi phí khám, điều trị bệnh như sau: C yêu cầu số tiền 25.000.000đ, T yêu cầu số tiền 27.000.000đ, Nguyễn Duy P yêu cầu số tiền 10.000.000đ. Riêng bồi thường thiệt hại về chi phí ngày công lao động hiện tại chưa thống kê được số tiền cụ thể nên Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn T và Nguyễn Duy P sẽ yêu cầu mức tiền bồi thường tại Tòa án.

Bị cáo Lê Tuấn P1 và chị Nguyễn Thanh T8, sinh năm 1981, nơi thường trú: ấp K, B, Gò Công Đ, Tiền Giang (vợ bị cáo P1) không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn T và Nguyễn Duy P nêu trên, mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định khi tuyên án.

Tại Bản cáo trạng số 49/CT-VKSTG-P2 ngày 27 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy P về tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo quy định tại khoản 1 Điều 125 Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê Tuấn P1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy P (H) phạm tội “Giết người trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh”; bị cáo Lê Tuấn P1 (T1) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 125; khoản 1 Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

3. Áp dụng điểm đ khoản 4 Điều 134; khoản 1 Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn P1 08 (tám) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 28/6/2024.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590, Điều 591, Điều 615 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy P bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Lê Thị D số tiền là 100.000.000đ; tiền cấp dưỡng cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Lê Thị D hàng tháng, mỗi tháng 1.117.000 đồng/người, cấp dưỡng từ tháng 3/2024 đến khi chết; tiền cấp dưỡng cho Nguyễn Ngọc Thanh T7, sinh ngày 12/11/2013 (con ruột của T5) hàng tháng, mỗi tháng 1.170.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 3/2024 đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Duy P bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Lê Thị D số tiền 1.500.000đồng (nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang theo biên lai thu số 0000006 ngày 19/9/2024).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự đối với Lê Tuấn P1, ông Nguyễn Văn T6, bà Lê Thị D, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2024, bị cáo Nguyễn Duy P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và xem xét lại trách nhiệm bồi thường của bị cáo; bị hại Nguyễn Hữu C và Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin xem xét lại tội danh của bị cáo Lê Tuấn P1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Duy P và Lê Tuấn P1 thừa nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu.

Bị cáo Nguyễn Duy P vẫn giữ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; bị cáo hiện đang là lao động chính nuôi con nhỏ. Ngoài ra, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trách nhiệm bồi thường của bị cáo vì thiệt hại của bị hại Nguyễn Thanh T5 xuất phát từ lỗi của bị hại T5 và bị cáo P1.

Bị hại Nguyễn Hữu C và Nguyễn Văn T thống nhất vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh của bị cáo Lê Tuấn P1 vì hành vi của bị cáo P1 đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo P1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” là chưa đúng.

Bị cáo Lê Tuấn P1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị cáo P, bị hại Nguyễn Hữu C và Nguyễn Văn T, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy P là Luật sư Nguyễn Thanh T4 phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét động cơ phạm tội của bị cáo P chỉ vì để bảo vệ người thân và các tình tiết giảm nhẹ như cha bị cáo không còn khả năng lao động, mẹ bị cáo mắc bệnh tim, bị cáo có 01 con sinh năm 2023 để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với vấn đề bồi thường thiệt hại, lỗi dẫn đến vụ án có lỗi của bị cáo P1 nên bị cáo P1 cũng phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị hại T5.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hữu C là Luật sư Trần Chí H phát biểu ý kiến: Bị cáo P1 là người rủ T5 đến nhà của bị hại C, T và dùng dao cùng T5 chém bị hại nhiều nhát, trong đó có những vết thương tấn công vào vùng trọng yếu, có thể gây ra cái chết của bị hại nếu không được cứu chữa kịp thời nhưng các bị cáo vẫn thực hiện, cho thấy thái độ côn đồ, coi thường pháp luật, việc bị hại không chết là nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Theo Án lệ số 47/2021/AL thì hành vi của bị cáo P1 cấu thành tội giết người. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo P1 phạm tội cố ý gây thương tích là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với bị cáo P1.

Người đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thanh T5 là bà Nguyễn Thanh T8 không đồng ý kháng cáo của bị cáo P, các bị hại C và T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo P 01 năm 06 tháng tù về tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” và buộc bị cáo bồi thường 50% thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại T5 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tước đoạt tính mạng của người khác trái pháp luật, hậu quả chết người đã xảy ra nên không có căn cứ giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Xét kháng cáo của ông T và ông C, bị cáo P1 chỉ xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất đã mang theo hung khí leo rào vào nhà của bị hại, chém gây thương tích, cấp sơ thẩm chưa phân tách được bị cáo P1 chém vào đầu của bị hại để xem xét trách nhiệm của bị cáo P1; hơn nữa, trong các vết thương của bị hại có các vết thương ở vùng trọng yếu, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm có thể gây ra cái chết cho bị hại nhưng vẫn bỏ mặc hậu quả xảy ra nên cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là chưa đúng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Kháng cáo của bị hại Nguyễn Hữu C và Nguyễn Văn T là có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P; chấp nhận kháng cáo của bị hại T, C, hủy một phần bản án sơ thẩm về tội danh của bị cáo P1 để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Duy P và Lê Tuấn P1 đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Khoảng 23 giờ, ngày 28/3/2024, do có mâu thuẫn trong việc mua, bán đất mặt ruộng, bị cáo Lê Tuấn P1 rủ Nguyễn Thanh T5 đến nhà ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969, tại ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang đánh nhau với Nguyễn Duy P (con ông T). T5 lấy 01 (một) con dao dài 45cm, cán bằng gỗ tròn dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén leo qua hàng rào vào nhà ông T, gập và chém nhiều nhát vào đầu, tay chân và người Nguyễn Hữu C (anh ruột của P). Ông Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Duy P nghe tiếng kêu la của C, chạy đến thì cũng bị T5 chém nhiều nhát vào người. Do thấy cha và anh của mình bị T5 tấn công, bị cáo P bị kích động tinh thần nên lấy 01 (một) con dao, loại dao dùng chặt dừa, dài 40,2cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,2cm bên cái bàn sắt ở gần đó xông đến chém T5 thì bị T5 dùng dao chém làm rớt con dao xuống. Bị cáo P giằng co giật lấy con dao của T5 đang cầm chém nhiều nhát vào người của Nguyễn Thanh T5.

Khi P, T, C đang giằng co với T5 thì bị cáo P1 mở cốp xe mô tô của T5 lấy 01 (một) con dao dài 58cm, cán dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 41cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén, cầm leo qua hàng rào xông đến chém T, C, P. T cầm một cây cờ lê giằng co, đánh nhau với P1. Bị cáo P cầm con dao chém P1 một nhát trúng vùng gối chân trái.

Hậu quả: Nguyễn Thanh T5 tử vong do mất máu cấp do vết thương đứt động mạch hàm trên bên phải, động mạch chày sau chân phải. Đa vết thương do bị chém. Nguyễn Văn C3 bị thương tích 51%. Nguyễn Văn T bị thương tích 35%. Nguyễn Duy P bị thương tích 07%. Lê Tuấn P1 bị thương tích 14%.

[2.2] Như vậy, bị cáo P là người trực tiếp gây ra cái chết cho bị hại T5. Tuy nhiên, việc bị cáo dùng dao chém bị hại T5 xuất phát từ việc bị cáo bị kích động mạnh về tinh thần do hành vi trái pháp luật của T5 trước đó khi dùng dao chém nhiều nhất vào cha và anh của bị cáo (ông C3 và ông T). Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo khoản 1 Điều 125 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng điều luật áp dụng nhưng tuyên bị cáo P phạm tội “Giết người trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh” là chưa đúng tên tội danh nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho đúng.

[2.3] Đối với bị cáo Lê Tuấn P1, trong vụ án này, bị cáo là người chủ mưu rủ bị hại T5 đi đến nhà P để đánh P. Khi đi đến nhà P, T5 có mang theo 02 con dao (dài 45cm, cán bằng gỗ tròn dài 16cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén và 01 con dao dài 58cm, cán dài 17cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 41cm, mũi nhọn, lưỡi sắc bén) là hung khí nguy hiểm bỏ cốp xe, bản thân bị cáo P1 khai ban đầu không biết T5 mang theo dao nhưng khi đến nhà P thấy T5 mở cốp xe lấy dao thì P1 đã biết T5 mang theo dao (BL 403) nhưng P1 không ngăn cản T5 mà để T5 cầm dao leo rào vào nhà P và thực hiện hành vi chém C3, T, P. Như vậy, có cơ sở xác định bị cáo P1 biết T5 dùng dao để giải quyết mâu thuẫn từ trước và đã thống nhất ý chí của T5.

Tại nhà P, mặc dù không có mâu thuẫn gì với C3 nhưng khi T5 xông vào chém C3, ngồi đè lên người C3 chém nhiều nhất thì bị cáo cũng không có động thái ngăn cản mà vẫn đứng xem, bỏ mặc cho Tân chém C3, sau đó chém T, cho đến khi T5 bị P chém thì bị cáo mở cốp xe lấy dao xông vào chém nhóm của P. Bị cáo khai chỉ chém 01 nhất nhưng không biết trúng ai; bị hại ông T, ông C3 xác định bị cáo P1 có chém trúng T nhiều nhất. Cấp sơ thẩm chưa cho đối chất, thực nghiệm điều tra để làm rõ bị cáo P1 gây ra thương tích cho ai, tỷ lệ tổn thương là bao nhiêu để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, với các căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định bị cáo P1 đã có sự thống nhất ý chí với T5 trong việc chém C3, T, P và chấp nhận hậu quả xảy ra nên bị cáo P1 cũng phải chịu trách nhiệm đối với những thương tích do Tân gây ra đối với ông C3, ông T và P.

Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt có thể giải quyết bằng cách khác không sử dụng bạo lực nhưng bị cáo P1 đã rủ T5 đến nhà bị hại vào lúc giữa đêm, leo qua hàng rào nhà bị hại để gây án với cường độ tấn công rất quyết liệt, thể hiện ở một số tình tiết như T5 chém một nhất đứt lìa ngón tay cái của bị hại C3, sau khi C3 ngã xuống thì T5 tiếp tục ngồi đè lên người Cường chém liên tục nhiều nhất, trong đó có những nhất trúng đầu, ngực, khi T và P chạy ra thì T5

tiếp tục chém T, P, hậu quả gây thương tật cho Nguyễn Văn C3 bị thương tích 51%. Nguyễn Văn T bị thương tích 35%. Nguyễn Duy P bị thương tích 07%, trong đó có những vết thương ở vùng trọng yếu như đầu, ngực với tỷ lệ tổn thương cao (Đối với Nguyễn Hữu C: Nứt sọ trán trái tỷ lệ: 09%; Sẹo vết thương trán trái tỷ lệ: 03%; Sẹo vết thương đỉnh trái tỷ lệ: 02%; Sẹo vết thương trán đỉnh phải tỷ lệ: 01% ; Sẹo vết thương ngực trái, khoảng liên sườn 9-10 bên trái tỷ lệ: 02%. Đối với Nguyễn Văn T: Nứt sọ trái tỷ lệ: 09%, sẹo vết thương giữa trán tỷ lệ: 03%, sẹo vết thương trán trái tỷ lệ: 03%), cho thấy thái độ côn đồ, hung hãn của bị cáo P1 và T5. Bản thân bị cáo P1 biết rõ việc dùng dao có kích thước nêu trên chém liên tiếp vào cơ thể người khác trong đó có những vùng trọng yếu có thể làm cho người đó chết nếu không được cứu chữa kịp thời nhưng bị cáo vẫn có ý thức bỏ mặc cho Tân chém C, T, P và chấp nhận hậu quả xảy ra. Bị hại không chết là nằm ngoài ý muốn của bị cáo.

Do đó, căn cứ Án lệ số 47/2021/AL thì hành vi của bị cáo P1 có dấu hiệu của tội “Giết người”. Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo P1 về tội “Cố ý gây thương tích” là chưa đúng với hành vi do bị cáo thực hiện.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P.

[3.1] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo P là người trực tiếp gây ra cái chết cho bị hại T5. Tuy nhiên, việc bị cáo dùng dao chém bị hại T5 xuất phát từ việc bị cáo bị kích động mạnh về tinh thần do hành vi trái pháp luật của T5 trước đó khi dùng dao chém nhiều nhát vào cha và anh của bị cáo (ông C và ông T). Tòa án cấp sơ thẩm khi lượng hình đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo P, từ đó xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với kháng cáo về trách nhiệm dân sự.

Bị cáo P là người cố ý trực tiếp gây ra cái chết của bị hại T5, tuy nhiên, do các bên đều có lỗi trong việc xảy ra thiệt hại nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị cáo bồi thường 50% thiệt hại, tương ứng số tiền là 100.000.000đ, tiền cấp dưỡng cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Lê Thị D hàng tháng, mỗi tháng 1.117.000 đồng/người, cấp dưỡng từ tháng 3/2024 đến khi chết; tiền cấp dưỡng cho Nguyễn Ngọc Thanh T7, sinh ngày 12/11/2013 (con ruột của T5) hàng tháng, mỗi tháng 1.170.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 3/2024 đến khi đủ 18 tuổi, là phù hợp Điều 591 của Bộ luật Dân sự. Bị cáo kháng cáo cho rằng lỗi hoàn toàn thuộc về bị hại T5 và bị cáo P1 là không có căn cứ. Kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị cáo P là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Hữu C và Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Hữu C và Nguyễn Văn T cùng kháng cáo cho rằng hành vi của bị cáo P1 cấu thành tội “Giết người” nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Tuấn P1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” là không đúng quy định pháp luật.

Như phân tích tại mục [2.3], hành vi của bị cáo Lê Tuấn P1 có dấu hiệu của tội “Giết người”. Tuy nhiên, trong phạm vi giới hạn xét xử, Tòa án không xét xử bị cáo về tội danh Viện kiểm sát không truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, ông T, hủy một phần bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt của bị cáo Lê Tuấn P1 để điều tra lại.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P; chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Hữu C và Nguyễn Văn T, hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm về tội danh và hình phạt của bị cáo Lê Tuấn P1 để điều tra lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí phúc thẩm: Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên bị cáo Nguyễn Duy P không phải chịu án phí hình sự và dân sự phúc thẩm, theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, c khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P; Giữ nguyên phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về tội danh, hình phạt và trách nhiệm dân sự với bị cáo Nguyễn Duy P.

[2] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy P (H) phạm tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”;

Áp dụng khoản 1 Điều 125; khoản 1 Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590, Điều 591, Điều 615 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy P bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Lê Thị D số tiền là 100.000.000đ; tiền cấp dưỡng cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Lê Thị D hàng tháng, mỗi tháng 1.117.000 đồng/người, cấp dưỡng từ tháng 3/2024 đến khi chết; tiền cấp dưỡng cho Nguyễn Ngọc Thanh T7, sinh ngày 12/11/2013 (con ruột của T5) hàng tháng, mỗi tháng 1.170.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 3/2024 đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Duy P bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Lê Thị D số tiền 1.500.000đồng (nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang theo biên lai thu số 0000006 ngày 19/9/2024).

[4] Chấp nhận kháng cáo của bị hại là ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Văn T.

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2024/HS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về tội danh và hình phạt với bị cáo Lê Tuấn P1 và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang điều tra lại.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Tuấn P1 để điều tra lại.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí: Bị cáo Nguyễn Duy P không phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tiền Giang; (3)
- VKSND tỉnh Tiền Giang; (1)
- Công an tỉnh Tiền Giang; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang; (1)
- Cục THA DS tỉnh Tiền Giang; (1)
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang; (1)
- Bị cáo; (2)
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Bị hại/đại diện hợp pháp của bị hại; (4)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 23b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình